

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 39
Phụ lục 01: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH (HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI)	40
Phụ lục 02: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH (HOẠT ĐỘNG NGOÀI VẬN TẢI)	41

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
Số 130 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, nay là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty từ ngày 01/01/2014 đến 23/12/2014 gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Viết Hiệp
Ông Nguyễn Văn Chung
Ông Trần Gia Tiến
Ông Phan Huy Giang
Ông Phạm Văn Trường
Ông Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Miễn nhiệm ngày 01/07/2014

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, nay là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội đã điều hành Công ty từ ngày 24/12/2014 đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Viết Hiệp
Ông Lê Minh Tuấn
Ông Trần Quốc Đạt
Ông Đỗ Văn Hoan

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Bổ nhiệm ngày 18/12/2014
Bổ nhiệm ngày 18/12/2014
Bổ nhiệm ngày 18/12/2014
Bổ nhiệm ngày 18/12/2014

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Viết Hiệp
Ông Trần Gia Tiến
Ông Phan Huy Giang
Ông Phạm Văn Trường
Ông Nguyễn Văn Bình
Ông Đỗ Văn Hoan

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 18/12/2014

Bổ nhiệm ngày 18/12/2014

Kế toán trưởng

Ông Hồ Minh Châu

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài nội dung đã nêu tại Thuyết minh số 31.2 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Nguyễn Viết Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Số: 388 /2015/UHYACA-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam
Ban Giám đốc Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, nay là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/04/2015, từ trang 05 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, khi lập Báo cáo tài chính toàn Công ty, Công ty chưa thực hiện bù trừ các khoản doanh thu nội bộ và chi phí (giá vốn) nội bộ ngoài vận doanh giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về mức độ ảnh hưởng của việc này đến các chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, công nợ nội bộ cũng như các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Như đã trình bày tại huyết minh số 4.9 và số 13 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang phản ánh khoản tiền chuyển thay cho Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) trên tài khoản góp vốn liên doanh, với giá trị 1.735.403.400 đồng về việc góp vốn của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR phát sinh từ năm 1996, mà không ghi nhận như một khoản phải thu nội bộ với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Hiện nay, Liên doanh này đã giải thể nhưng các bên liên quan chưa giải quyết được các vấn đề phát sinh trong việc giải thể liên doanh. Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá 100% khoản đầu tư đầu tư tài chính dài hạn này, tuy nhiên, việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là chưa thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.5 và số 10 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Công văn số 1088/KHN - TCKT ngày 24/07/2013 của Công ty về việc "Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định", đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc có liên quan đến quản lý đất đai tạm thời chưa điều chỉnh giảm Tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC. Theo đó, tại ngày 31/12/2014, tổng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của nhà cửa, vật kiến trúc của toàn Công ty có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng chưa được ghi giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC với giá trị lần lượt là 2.998.763.325 đồng và 2.970.894.460 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, nay là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0798-2014-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1395-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014


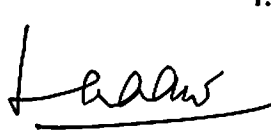

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		803.315.320.253	366.297.371.904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	370.244.852.781	159.263.653.067
1. Tiền	111		370.244.852.781	159.263.653.067
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.158.779.238	155.467.566.217
1. Phải thu khách hàng	131		42.786.189.625	12.990.671.266
2. Trả trước cho người bán	132		6.746.339.182	109.910.438
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		89.583.232.299	92.822.008.006
5. Các khoản phải thu khác	135	6	98.093.689.302	50.915.487.793
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(12.050.671.170)	(1.370.511.286)
IV. Hàng tồn kho	140		202.432.119.220	48.490.843.807
1. Hàng tồn kho	141	8	205.866.445.819	48.490.843.807
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.434.326.599)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.479.569.014	3.075.308.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.196.169.459	1.477.866.362
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		202.094.713	75.661.023
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	399.353.019	588.717.071
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.681.951.823	933.064.357
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		694.429.075.091	333.851.679.276
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	25.713.400.452
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	25.713.400.452
II. Tài sản cố định	220		680.662.334.063	296.999.888.967
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	679.017.682.863	296.182.253.061
- Nguyên giá	222		4.229.100.745.209	1.386.335.559.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.550.083.062.346)	(1.090.153.306.106)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	241.216.617	169.050.493
- Nguyên giá	228		3.162.572.580	2.768.572.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.921.355.963)	(2.599.522.087)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.403.434.583	648.585.413
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		751.500.000	2.486.903.400
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	1.735.403.400	1.735.403.400
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	751.500.000	751.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.735.403.400)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.015.241.028	8.651.486.457
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	8.003.041.028	3.641.786.457
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.012.200.000	5.009.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.497.744.395.344	700.149.051.180

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		750.006.497.599	337.107.232.994
I. Nợ ngắn hạn	310		422.677.683.870	224.631.621.124
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	22.913.149.539	7.714.000.000
2. Phải trả người bán	312		82.389.180.067	33.931.007.387
3. Người mua trả tiền trước	313		695.728.714	792.257.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	37.129.089.019	13.685.454.965
5. Phải trả người lao động	315		229.957.734.104	137.363.172.322
6. Chi phí phải trả	316		313.309.289	368.604.764
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	46.644.630.516	29.607.292.854
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.634.862.622	1.169.831.192
II. Nợ dài hạn	330		327.328.813.729	112.475.611.870
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	19	172.977.394.503	2.990.450.995
3. Phải trả dài hạn khác	333		10.941.160.410	12.156.904.039
4. Vay và nợ dài hạn	334	20	46.276.524.416	32.057.310.416
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	21	97.133.734.400	65.270.946.420
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		747.737.897.745	363.041.818.186
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	747.427.667.767	362.737.502.474
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		723.415.752.921	352.272.916.439
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		17.382.923.387	6.758.348.542
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.565.439.330	3.106.423.650
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.062.390.763	283.764.825
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.161.366	316.049.018
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		310.229.978	304.315.712
1. Nguồn kinh phí	432		310.229.978	304.315.712
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.497.744.395.344	700.149.051.180

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		1.717.672.709	1.717.672.709
5. Nợ ngoài tệ các loại (USD)		214,02	213,78
 Nguyễn Việt Hiệp Tổng Giám đốc	 Hồ Minh Châu Kế toán trưởng	 Đối Văn Toàn Người lập biểu	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.026.326.850.077	1.893.333.771.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	90.591.405.636	57.775.553.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	2.935.735.444.441	1.835.558.218.261
4. Giá vốn hàng bán	11	24	2.326.756.640.068	1.603.506.237.555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		608.978.804.373	232.051.980.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	21.432.836	18.390.098
7. Chi phí tài chính	22	26	34.029.880.176	8.588.809.775
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.029.880.176	8.588.809.775
8. Chi phí bán hàng	24		568.211.172	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		411.626.354.016	254.906.743.151
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		162.775.791.845	(31.425.182.122)
11. Thu nhập khác	31		2.381.943.196	267.621.995
12. Chi phí khác	32	27	522.329.260	136.660.205
13. Lợi nhuận khác	40		1.859.613.936	130.961.790
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		164.635.405.781	(31.294.220.332)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.637.217	197.705.115
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		164.631.768.564	(31.491.925.447)



Law



Đới Văn Toàn
Người lập biểu

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.024.553.980.095	1.831.571.934.387
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(482.255.139.411)	(333.351.857.500)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(676.963.459.388)	(406.545.855.745)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.642.005.283)	(2.181.767.876)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(159.551.976)	(206.592.402)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		526.526.171.766	69.671.477.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.147.092.794.769)	(1.113.766.449.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		236.967.201.034	45.190.889.029
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(391.728.458)	(281.639.823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	5.872.725
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.000.000.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.000.000.000	50.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53.523.728	18.390.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(338.204.730)	(257.377.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.765.733.153	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.327.695.022)	(6.667.694.760)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(55.125.000)	(115.629.110)
6. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.771.761)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.647.858.630)	(6.783.323.870)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		210.981.137.674	38.150.188.159
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		159.263.653.067	121.113.407.238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		62.040	57.670
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	370.244.852.781	159.263.653.067



Nguyễn Việt Hiệp
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Hồ Minh Châu
Kế toán trưởng

Đới Văn Toàn
Người lập biểu

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ/ĐS-TCCB-LĐ ngày 07/07/2003 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại 3 Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực 1, 2 và 3. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0116000010 ngày 10/09/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/01/2004.

Công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên từ ngày 17/12/2014 theo Quyết định số 1972/QĐ-ĐS của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc “Chuyển đổi Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội thành Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ”. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100106264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2014.

Trụ sở giao dịch của Công ty hiện đặt tại số 130 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Đại lý và dịch vụ vận tải;
- Sửa chữa các phương tiện vận tải đường sắt;
- Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch.

CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY

Theo Biên bản bàn giao tài chính ngày 30/06/2014 giữa Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội về số liệu tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Hàng hóa Đường sắt và Liên hiệp sức kéo Đường sắt. Số liệu bàn giao tài chính mà Công ty tiếp nhận của 02 Cơ quan: Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội và Liên hiệp Sức kéo Đường sắt là tại thời điểm 31/05/2014 và số liệu bàn giao tài chính của các Đơn vị phụ thuộc là tại thời điểm 31/03/2014.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty trong năm 2014 bao gồm Văn phòng Công ty và các đơn vị sau:

Hệ Toa xe

1. Xí nghiệp Vận dụng toa xe khách Hà Nội
2. Xí nghiệp Sửa chữa toa xe Hà Nội
3. Xí nghiệp Toa xe Vinh
4. Xí nghiệp Vận dụng Toa xe hàng Hà Nội

Hệ Ga

1. Ga Hà Nội
2. Ga Vinh
3. Ga Đồng Hới
4. Ga Huế
5. Ga Giáp Bát
6. Ga Yên Viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY (TIẾP)

Hệ Ga (tiếp)

7. Ga Hải Phòng
8. Ga Đồng Đăng
9. Ga Lào Cai
10. Ga Tiên Kiên
11. Ga Bím Sơn
12. Ga Đông Hà

Hệ Vận tải

1. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Hải
2. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Lạng
3. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Vĩnh Phú
4. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Yên Lào
5. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Ninh
6. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Thanh Hóa
7. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Nghệ Tĩnh
8. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Quảng Bình
9. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Quảng Trị - Thừa Thiên
10. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hải Vân
11. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Quảng
12. Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Thái

Hệ sức kéo

1. Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên
2. Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội
3. Xí nghiệp Đầu máy Vinh

Đơn vị khác

1. Nhà máy Xe lửa Gia Lâm
2. Xí nghiệp Cao su Đường sắt

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hợp cộng các chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty. Trong Báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty chưa thực hiện loại trừ doanh thu và giá vốn nội bộ ngoài vận doanh giữa Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Khoản tiền tồn quỹ vận doanh tại các Ga đang được Công ty theo dõi như khoản phải thu khách hàng - đối tượng là các Ga.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên, giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Số dư “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” tại 31/12/2014 của Công ty bao gồm 10.174.793.820 đồng được nhận bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Hàng hóa Đường sắt của 02 đối tượng là Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt phía Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực I.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị quản lý	3 - 10

Đối với Toa xe sau khi nâng cấp do không có cơ sở xác định thời gian sử dụng hữu ích thực tế tăng thêm do nâng cấp, Công ty vẫn giữ nguyên mức khấu hao cũ, sau đó lấy (giá trị còn lại + giá trị nâng cấp mới) chia cho mức khấu hao để xác định được số năm khấu hao còn lại sau khi nâng cấp.

Đối với các nhà ở tập thể của cán bộ công nhân viên hình thành từ nguồn vốn ngân sách tại các đơn vị trực thuộc, Công ty trích khấu hao theo hướng dẫn tại các văn bản đã hết hiệu lực thi hành của Bộ Tài chính từ các năm 1994 trở về trước là tổng số tiền thu được Công ty ghi tăng nguồn kinh phí sự nghiệp, 60% tổng số tiền thu được Công ty phản ánh hao mòn và giảm nguồn vốn kinh doanh.

Theo Công văn số 1088/KHN - TCKT ngày 24/07/2013 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội về việc “Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc có liên quan đến quản lý đất đai tạm thời chưa điều chỉnh giảm Tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC. Theo đó, tại ngày 31/12/2014, tổng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của nhà cửa, vật kiến trúc của toàn Công ty có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng chưa được ghi giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC với giá trị lần lượt là 2.998.763.325 đồng và 2.970.894.460 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2014 của Công ty bao gồm chủ yếu: Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất sử dụng chưa phân bổ hết; các công cụ dụng cụ này được kết chuyển dần vào chi phí theo tiêu thức phân bổ 50% giá trị ngay khi xuất sử dụng vào năm phát sinh và 50% giá trị còn lại cho năm tài chính tiếp theo;

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty liên doanh

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh thể hiện: khoản tiền chuyển thay cho Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) trên tài khoản góp vốn liên doanh, với giá trị 1.735.403.400 đồng về việc góp vốn của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR phát sinh từ năm 1996, mà không ghi nhận như một khoản phải thu nội bộ với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Hiện nay, Liên doanh này đã giải thể nhưng các bên có liên quan chưa giải quyết được các vấn đề phát sinh trong việc giải thể liên doanh. Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá 100% khoản đầu tư tài chính dài hạn này, tuy nhiên, tuy nhiên việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là chưa thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Vân Nam, có giá trị được phản ánh trên sổ sách tại 31/12/2014 của Công ty là 751.500.000 đồng (giá trị này không biến động từ năm bắt đầu phát sinh khoản đầu tư). Tuy nhiên, theo Báo cáo kiểm toán số 0216/2014/BCTC - KTV ngày 24/03/2014 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam do Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt phát hành, giá trị phần vốn góp của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội là 738.400.000 đồng tương đương với 73.840 cổ phiếu và đạt tỷ lệ 0,37% trong giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam là 200.000.000.000 đồng.

Ban Giám đốc Công ty đã xem xét một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và đánh giá không phải lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này tại thời điểm cuối năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.9 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Đối với doanh thu hoạt động kinh doanh vận tải (hoạt động chính):

Doanh thu được ghi nhận tập trung tại Văn phòng Công ty, các đơn vị phụ thuộc chỉ hạch toán các khoản doanh thu ngoài vận tải (hoạt động phụ).

Đối với doanh thu hoạt động kinh doanh ngoài vận tải (hoạt động phụ):

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở khối lượng công việc hoặc dịch vụ đã hoàn thành và chuyển giao cho đối tác, đã được đối tác chấp nhận thanh toán.

Ngày 17/11/2014, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ra Văn bản số 3851/ĐS - KHKD về việc “*Kế hoạch sản xuất kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt năm 2014*”, theo đó, phần chênh lệch thu chi do các Công ty Vận tải điều tiết về, sau khi đã trừ đi phần chi phí của Công ty mẹ sẽ được xác định là lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Đồng thời, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ vận tải sẽ được hòa chung vào lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải và lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh khác của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Thực hiện theo Văn bản này, chênh lệch thu - chi hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải của Công ty năm 2014 được nộp về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư,... được ghi nhận như các khoản thu hộ và được kết chuyển tập trung về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng

Đối với hoạt động kinh doanh vận tải (hoạt động chính) được kê khai và nộp tập Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội.

Đối với hoạt động kinh doanh ngoài vận tải (hoạt động phụ): Các Đơn vị trực thuộc Công ty xác định, kê khai và nộp thuế trực tiếp với Cơ quan Thuế địa phương. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đều được dùng cho hoạt động chịu thuế giá trị gia tăng và khấu trừ toàn bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2014, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp từ kết quả kinh doanh, phần chênh lệch Doanh thu - Chi phí tại Công ty được kết chuyển về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định, tập hợp và kê khai nộp tập trung tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo qui định của pháp luật. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Số dư các khoản mục bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Vận tải hành khách Đường sắt Hà Nội là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam; các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam; các công ty con, công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	3.285.043.328	2.115.388.920
Tiền gửi ngân hàng	366.959.809.453	157.148.264.147
Cộng	<u>370.244.852.781</u>	<u>159.263.653.067</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn	69.397.318.933	38.936.560.513
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt	-	389.728.284
Phân ban cơ sở hạ tầng khu vực I [1]	287.271.286	287.271.286
Phải thu về chi trợ cấp thôi việc [2]	2.698.374.675	1.756.204.375
Phí cơ sở hạ tầng theo Doanh thu ghi nhận trước	-	5.211.680.000
Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	-	20.221.104
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	275.788.196	270.152.079
Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực I	66.408.000	-
Công ty Quản lý Đường sắt Hà Hải [3]	-	130.000.000
Thuốc BHYT khám chữa bệnh	16.698.980	57.457.090
Các tổ tàu SE 5/6 phục vụ hành khách	103.688.766	120.102.179
Phải thu Cơ quan Bảo hiểm	194.415.901	286.321.620
Tiền nhà của 29 hộ ở tập thể 14 Nguyễn Khuyến	797.492.510	797.492.510
Phải thu tiền điện Kios	2.647.500	1.485.000
Chi phí thu gom phế liệu	-	3.690.000
Xây dựng nhà xưởng Xí nghiệp Cao su Đường sắt	11.220.726.321	-
Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đường sắt Vinh	214.389.630	198.953.559
Phải thu tiền ốm đau, thai sản	201.935.578	455.949.311
Phải thu tiền Bảo hiểm của Công nhân viên	1.211.526.300	1.122.603.458
Đề tài Khoa học công nghệ nhận diện Toa xe hàng	353.852.176	-
Cán bộ công nhân viên nghỉ tự túc	-	46.725.246
Phải thu tiền bồi thường tai nạn chạy tàu, cứu hộ tai nạn Đường	180.557.074	196.812.371
Thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ	13.710.138	-
Vay vật tư phụ tùng - Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên	180.756.731	-
Tiền thuê đất 50 năm nhà lưu trú lái tàu Yên Bái	6.872.148.000	-
Dầu cơ báo và tài xế	85.293.413	-
Hỗ trợ kinh phí di chuyển theo văn bản - tại Ga Lào Cai	293.500.000	-
Phải thu các đối tượng bên ngoài tại Nhà máy xe lửa Gia Lâm	2.211.269.910	-
Bồi thường hoa màu cho HTX tại Xí nghiệp Cao su Đường sắt	64.980.000	-
Trả tiền xây dựng cho các hộ dân tại Xí nghiệp Cao su Đường sắt	55.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.093.939.284	626.077.808
Cộng	98.093.689.302	50.915.487.793

Trong đó

[1] Khoản ứng trước cho các nhà thầu của Phân ban Cơ sở Hạ tầng Khu vực I của nhiều dự án số tiền là 287.271.286 đồng phát sinh từ trước 2003 được đánh giá khó có khả năng thu hồi. Năm 2013, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% khoản công nợ ứng trước này.

[2] Là khoản phải thu của các Đơn vị khác do Công ty đã chi trả hộ các Đơn vị này số tiền tương ứng với thời gian người lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động làm việc tại các Đơn vị đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

[3] Là số tiền bị xuất toán của Công trình Nhà lưu trú cung đường từ năm 1996 được đánh giá khó có khả năng thu hồi. Công trình này trước đây do Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực I (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội) quản lý và dùng nguồn sửa chữa lớn từ hoạt động vận tải để xây dựng. Sau đó Xí nghiệp Liên hợp Vận tải Đường sắt Khu vực I đã ghi nợ Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Hà Hải (nay là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Hải) do tài sản này đã được bàn giao cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Hải quản lý và sử dụng. Năm 2013, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% khoản công nợ này. Trong năm 2014, Công ty phát sinh khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Hà Hải với số tiền là 812.699.000 đồng về sửa chữa hãm K2 Toa xe khách. Hiện tại, dự án đã được nghiệm thu, hoàn thành, Công ty đã tiến hành bù trừ công nợ phải trả này với khoản phải thu khó đòi trên, tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện được các thủ tục liên quan tới việc bù trừ công nợ và cũng chưa hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập năm 2013.

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng (*)	(11.090.533.920)	(953.240.000)
Phải thu khác	(960.137.250)	(417.271.286)
Cộng	(12.050.671.170)	(1.370.511.286)

(*) Trong đó, khoản dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 10.174.793.820 đồng được nhận bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Hàng hóa Đường sắt của 02 đối tượng là Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt phía Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực I.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	183.636.734.666	45.620.569.386
Công cụ, dụng cụ	1.323.815.672	704.675.822
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.401.427.147	1.899.554.280
Thành phẩm	4.203.082.574	99.486.690
Hàng hóa	301.385.760	166.557.629
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	205.866.445.819	48.490.843.807

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	40.845.381	39.692.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	122.152.445	17.400.563
Thuế thu nhập cá nhân	167.696.102	394.440.613
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	31.432.000	137.183.086
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	37.227.091	-
Cộng	399.353.019	588.717.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
01/01/2014	137.881.579.410	104.375.486.253	1.114.282.161.983	29.796.331.521	-	1.386.335.559.167
Số tăng trong năm	154.633.541.572	136.993.151.124	3.673.179.782.841	13.702.350.793	1.420.022.327	3.979.928.848.657
- Mua trong năm	268.589.367	5.128.893.223	1.688.505.181	240.262.521	-	7.326.250.292
- Đầu tư XD CB hoàn thành	8.374.505.184	-	-	-	-	8.374.505.184
- Nâng cấp, cải tạo	-	38.588.672	18.461.511.235	-	-	18.500.099.907
- Tăng do nhận điều chuyển từ nội bộ Công ty	1.374.020.753	39.800.000	1.122.690.060.314	648.020.522	-	-
- Tăng do nhận điều chuyển từ TCT và Công ty khác	144.616.426.268	128.910.471.409	2.530.339.706.111	12.814.067.750	1.420.022.327	2.818.100.693.865
- Tăng khác	-	2.875.397.820	-	-	-	2.875.397.820
Số giảm trong năm	2.888.257.345	290.639.720	1.133.171.314.629	813.450.921	-	1.137.163.662.615
- Thanh lý, nhượng bán	493.711.410	-	3.825.846.000	292.216.727	-	4.611.774.137
- Giảm do bàn giao đi trong nội bộ Công ty	1.374.020.753	205.175.000	1.122.690.060.314	482.645.522	-	-
- Giảm do bàn giao cho từ TCT và Công ty khác	1.016.957.000	-	3.772.689.495	-	-	4.789.646.495
- Giảm khác	3.568.182	85.464.720	2.882.718.820	38.588.672	-	3.010.340.394
31/12/2014	289.626.863.637	241.077.997.657	3.654.290.630.195	42.685.231.393	1.420.022.327	4.229.100.745.209
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2014	74.136.526.819	89.500.140.610	903.738.665.458	22.777.973.219	-	1.090.153.306.106
Số tăng trong năm	96.961.206.100	95.880.325.815	2.269.165.912.668	8.476.740.547	460.600.000	2.470.944.785.130
- Tăng do nhận điều chuyển	83.568.225.159	80.345.922.232	2.134.200.084.926	4.368.451.574	350.600.000	2.302.833.283.891
- Khấu hao trong năm	13.391.231.254	12.620.417.091	134.965.827.742	3.942.913.973	-	164.920.390.060
- Hao mòn nhà ở, công trình phúc lợi	1.749.687	-	-	-	110.000.000	111.749.687
- Tăng khác	-	2.913.986.492	-	165.375.000	-	3.079.361.492
Số giảm trong năm	1.138.270.726	250.839.720	9.295.113.045	330.805.399	-	11.015.028.890
- Thanh lý, nhượng bán	424.994.293	-	3.825.846.000	292.216.727	-	4.543.057.020
- Giảm do điều chuyển đi	713.276.433	-	2.592.769.225	-	-	3.306.045.658
- Giảm khác	-	250.839.720	2.876.497.820	38.588.672	-	3.165.926.212
31/12/2014	169.959.462.193	185.129.626.705	3.163.609.465.081	30.923.908.367	460.600.000	3.550.083.062.346
Giá trị còn lại						
01/01/2014	63.745.052.591	14.875.345.643	210.543.496.525	7.018.358.302	-	296.182.253.061
31/12/2014	119.667.401.444	55.948.370.952	490.681.165.114	11.761.323.026	959.422.327	679.017.682.863

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 2.338.434.401.786 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Theo Công văn số 1088/KHN - TCKT ngày 27/07/2013 của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội) về việc “Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc có liên quan đến quản lý đất đai tạm thời chưa điều chỉnh giảm Tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC. Theo đó, tại ngày 31/12/2014, tổng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của nhà cửa, vật kiến trúc của toàn Công ty có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng chưa được ghi giảm theo Thông tư 45/2013/TT - BTC có giá trị lần lượt là: 2.998.763.325 đồng và 2.970.894.460 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
01/01/2014	2.628.992.580	139.580.000	2.768.572.580
Số tăng trong năm	325.000.000	69.000.000	394.000.000
- Mua trong năm	-	69.000.000	69.000.000
- Tăng do nhận bàn giao	325.000.000	-	325.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
31/12/2014	2.953.992.580	208.580.000	3.162.572.580
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2014	2.491.043.457	108.478.630	2.599.522.087
Số tăng trong năm	293.678.397	28.155.479	321.833.876
- Khấu hao trong năm	149.209.397	28.155.479	177.364.876
- Tăng do nhận bàn giao	144.469.000	-	144.469.000
Số giảm trong năm	-	-	-
31/12/2014	2.784.721.854	136.634.109	2.921.355.963
Giá trị còn lại			
01/01/2014	137.949.123	31.101.370	169.050.493
31/12/2014	169.270.726	71.945.891	241.216.617

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí cải tạo toa xe điện 24V thành 220V	-	625.961.777
Dự án dàn cầu trục 20T, LK 12.5m	417.206.364	-
Dự án máy tiện bánh xe	240.804.000	-
Các công trình khác	745.424.219	22.623.636
Cộng	1.403.434.583	648.585.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh phản ánh khoản tiền chuyển vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR theo hợp đồng liên doanh giữa Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) và Công ty Minz Container Ltd (Đại diện bên New Zealand) được ký kết ngày 25/5/1995 để tổ chức và khai thác dịch vụ vận chuyển container bằng đường sắt trên lãnh thổ Việt Nam với giá trị 1.735.403.400 đồng. Đây là khoản vốn góp của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR, phát sinh từ năm 1996 mà không phải là khoản đầu tư của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội. Hiện nay Liên doanh này đã giải thể nhưng các bên có liên quan chưa giải quyết được các vấn đề phát sinh trong việc giải thể liên doanh. Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá 100% khoản đầu tư đầu tư tài chính dài hạn này, tuy nhiên, hồ sơ trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa được tập hợp đầy đủ theo quy định hiện hành.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Vân Nam, có giá trị được phản ánh trên sổ sách tại 31/12/2014 của Công ty là 751.500.000 đồng (giá trị này không biến động từ năm bắt đầu phát sinh khoản đầu tư). Tuy nhiên, theo Báo cáo kiểm toán số 0216/2014/BCTC - KTV ngày 24/03/2014 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam do Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt phát hành, giá trị phần vốn góp của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội là 738.400.000 đồng tương đương với 73.840 cổ phiếu và đạt tỷ lệ 0,37% trong giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam là 200.000.000.000 đồng.

Ban Giám đốc Công ty đã xem xét một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và đánh giá không phải lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.705.816.413	3.378.760.953
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	52.636.364
Chi phí đề án xử lý môi trường và rác thải công nghiệp	165.209.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác (*)	132.015.615	210.389.140
Cộng	8.003.041.028	3.641.786.457

(*) Là giá trị còn lại chờ phân bổ của các khoản chi phí cải tạo bãi hàng tại các đơn vị trực thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh phản ánh khoản tiền chuyển vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR theo hợp đồng liên doanh giữa Liên hiệp Đường sắt Việt Nam (nay là Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam) và Công ty Minz Container Ltd (Đại diện bên New Zealand) được ký kết ngày 25/5/1995 để tổ chức và khai thác dịch vụ vận chuyển container bằng đường sắt trên lãnh thổ Việt Nam với giá trị 1.735.403.400 đồng. Đây là khoản vốn góp của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam vào Công ty Liên doanh Đường sắt Việt Nam MINZR, phát sinh từ năm 1996 mà không phải là khoản đầu tư của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội. Hiện nay Liên doanh này đã giải thể nhưng các bên có liên quan chưa giải quyết được các vấn đề phát sinh trong việc giải thể liên doanh. Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá 100% khoản đầu tư đầu tư tài chính dài hạn này, tuy nhiên, hồ sơ trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa được tập hợp đầy đủ theo quy định hiện hành.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hải Vân Nam, có giá trị được phản ánh trên sổ sách tại 31/12/2014 của Công ty là 751.500.000 đồng (giá trị này không biến động từ năm bắt đầu phát sinh khoản đầu tư). Tuy nhiên, theo Báo cáo kiểm toán số 0216/2014/BCTC - KTV ngày 24/03/2014 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam do Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt phát hành, giá trị phần vốn góp của Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội là 738.400.000 đồng tương đương với 73.840 cổ phiếu và đạt tỷ lệ 0,37% trong giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam là 200.000.000.000 đồng.

Ban Giám đốc Công ty đã xem xét một cách thận trọng giá trị khoản đầu tư và đánh giá không phải lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.705.816.413	3.378.760.953
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	52.636.364
Chi phí để án xử lý môi trường và rác thải công nghiệp	165.209.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác (*)	132.015.615	210.389.140
Cộng	8.003.041.028	3.641.786.457

(*) Là giá trị còn lại chờ phân bổ của các khoản chi phí cải tạo bãi hàng tại các đơn vị trực thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	22.913.149.539	7.714.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 02-2009/HĐTDTH-VTHK)	3.160.000.000	3.160.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 03/2013/HĐTDDA/NHCTVIETINBANKKH)	-	714.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (hợp đồng số 00122/2013/0000974)	3.840.000.000	3.840.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 01/2014-HĐTDDDA/NHCT 128 - LHSK)	1.936.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 01/2012/HĐTDTH/CD-LHSK)	10.800.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 01 - 2013/HĐTD/XLGL) (*)	3.177.149.539	-
Cộng	22.913.149.539	7.714.000.000

(*) Ngày 26/03/2013, Nhà máy Xe lửa Gia Lâm - Liên hiệp Sứ kéo Đường sắt ký hợp đồng tín dụng số 01-2013/HĐTD/XLGL với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội. Hạn mức cho vay là 25.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức cho vay: đến hết ngày 31/01/2014; mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay xác định tại thời điểm nhận nợ, lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất hàng năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%. Trong đó lãi suất cơ sở là lãi suất huy động tiền gửi tiền tiết kiệm bằng đồng VND trả lãi sau trên thị trường kỳ hạn 12 tháng được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội vào ngày xác định lãi suất. Trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi tại giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng và ngày thu lãi cuối cùng là ngày khách hàng trả hết nợ gốc. Bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 30/06/2014, Liên hiệp sứ kéo Đường sắt được bàn giao về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội theo Biên bản bàn giao giữa Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Liên hiệp Sứ kéo Đường sắt và Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội. Theo đó, các khoản vay từ Nhà máy Xe lửa Gia Lâm cũng được bàn giao về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội. Thời điểm bàn giao các khoản công nợ (trong đó có các khoản vay dài hạn) là ngày 31/03/2014.

Chi tiết các hợp đồng còn lại được thuyết minh tại Thuyết minh số 20 trong Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.902.915.492	2.877.147.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.694.953	41.925.611
Thuế thu nhập cá nhân	113.800.661	198.936.592
Thuế tài nguyên	2.672.524	717.546
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	8.771.482.210	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.221.523.179	10.566.727.818
Cộng	37.129.089.019	13.685.454.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	464.733.015	539.082.671
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	879.138.650	309.436.578
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.359.155.885	1.168.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.941.602.966	27.590.773.605
<i>Trong đó:</i>		
Đường sắt Trung Quốc	2.122.565.222	2.401.406.065
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	13.100.044.603	-
Các quỹ hỗ trợ	263.334.466	162.182.392
Pjico và Bảo Việt trả bổ sung quỹ dự phòng tai nạn đường sắt	22.979.356	6.574.656
Tiền Bảo hiểm hành khách phải trả	459.893.000	648.323.000
Tiền thừa giấy báo thu chưa vận chuyển	11.494.163.369	2.705.808.690
Nhập thu thừa của các ga	700.729.265	45.839.676
Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông Vận tải	-	65.312.116
Liên hiệp Súc kéo Đường sắt	-	17.011.458.301
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	311.441.008	35.462.932
2% Quỹ Công đoàn cứu trợ	-	834.284
Bảo lãnh hợp đồng, bảo đảm dự thầu	699.583.434	299.883.434
Tiền đặt cọc khai thác Kios, mua vé tàu	183.788.750	170.088.750
Kinh phí giao nhận sửa chữa toa xe các đơn vị	-	66.295.137
Tiền trợ cấp thôi việc của CBCNV	4.598.183.250	858.617.950
Phải trả Thuế TNCN cho CNV	43.268.897	66.212.311
Tiền đặt cọc hợp đồng vận chuyển	1.611.000.000	1.493.798.500
Bảo hiểm xã hội trả trợ cấp ốm đau, thai sản	-	14.663.410
Chênh lệch tỷ giá cài tạo đầu máy RU	2.822.168.669	-
Tiền giải quyết tai nạn Đường sắt	-	20.056.000
Chi phí trích trước năm 2015	131.577.741	-
Công ty Hưng Hà hợp tác đầu tư kho	138.864.959	-
Công ty Thái Bình hợp tác sửa kho Hà Đông	178.970.603	-
Công ty TNHH TM& HC Việt Hồng bỏ vốn đầu tư kho	675.086.760	-
Thu hộ công đoàn tiền công đoàn phí	142.210.504	-
Quỹ xã hội CBCNV đóng góp	142.210.505	-
Đánh giá phụ tùng, phế liệu thu hồi tạm tính	97.087.476	-
Giải phóng mặt bằng nhà Thịnh Châu	168.605.384	-
Chi phí hoạt động trung tâm dịch vụ	1.872.484.786	-
Bồi thường hoa màu 10 hộ dân	118.097.500	-
Phải trả khác	1.843.263.459	1.517.956.001
Cộng	46.644.630.516	29.607.292.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	<u>172.977.394.503</u>	<u>2.990.450.995</u>
+ Dự án đầu tư MMTB sửa chữa toa xe	1.077.616.268	2.990.450.995
+ Dự án mua mới 05 đầu máy 1435 (đợt 2)	7.541.013.098	-
+ Dự án nâng cấp, cải tạo 62 toa xe thế hệ II	9.424.450.467	-
+ Dự án lắp ráp 20 đầu máy năm 2011	44.914.908.069	-
+ Dự án đóng mới toa xe hàng năm 2004	1.020.989.154	-
+ Dự án đóng mới toa xe hàng năm 2005	6.593.218.246	-
+ Dự án đóng mới 300 toa xe hàng năm 2011	80.206.514.841	-
+ Dự án đóng mới toa xe hàng năm 2006	6.181.633.250	-
+ Dự án thay giá chuyển hướng 80 toa xe G	4.572.034.583	-
+ Dự án đường H4 - Đồng Đăng	581.786.571	-
+ Dự án mua phụ tùng cầu KIROU	3.225.275.000	-
+ Dự án cải tạo thay động cơ CAT 10 ĐM	1.479.888.085	-
+ Dự án cải tạo thay động cơ CAT 15 ĐM	5.632.634.915	-
+ Dự án thiết bị đuôi tàu giai đoạn 3	525.431.956	-
Cộng	<u>172.977.394.503</u>	<u>2.990.450.995</u>

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	<u>46.276.524.416</u>	<u>32.057.310.416</u>
Vay ngân hàng	46.260.339.000	31.726.000.000
Hợp đồng số 02-2009/HĐTDVH-VTHK [1]	3.160.000.000	6.320.000.000
Hợp đồng số 0122/2013/0000974 [2]	17.280.000.000	21.120.000.000
Hợp đồng số 03/2013 - HĐTDDA/NHCTVIETINBANKKH - VTHK [3]	-	4.286.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 01/2014-HĐTDDA/NHCT 128 - LHSK) [4]	2.412.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (hợp đồng số 01/2012/HĐTDTH/CD-LHSK) [5]	23.408.339.000	-
Vay cá nhân	<u>16.185.416</u>	<u>331.310.416</u>
Cộng	<u>46.276.524.416</u>	<u>32.057.310.416</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

Khoản vay ngân hàng được thực hiện theo các hợp đồng tín dụng sau:

[1] Tại ngày 22/10/2009, Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội ký Hợp đồng tín dụng số 02 - 2009/HĐTDTH-VTHK vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với số tiền 19.000.000.000 đồng; khoản vay này được hoàn trả trong thời hạn là 7 năm (ân hạn 1 năm, thu nợ trong 6 năm). Lãi suất tại thời điểm vay là 10.5%/năm. Lãi suất thay đổi tối đa 6 tháng/lần vào ngày 1/4 và ngày 1/10 hàng năm và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hà Nội cộng chi phí biên 2,7%/năm; Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay. Công ty cam kết dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng, quản lý của mình để làm tài sản đảm bảo nếu sử dụng vốn sai mục đích hoặc không trả được nợ. Khoản vay phải trả của hợp đồng này được Công ty phân loại sang Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2014 là: 3.160.000.000 đồng.

[2] Tại ngày 31/05/2013, Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 00122/2013/0000974 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, hạn mức tín dụng là: 26.907.694.760 đồng; mục đích vay là: thanh toán chi phí đầu tư "*Công trình nâng cấp, cải tạo 20 toa xe khách thành toa xe AN28 lắp điều hòa không khí*"; thời hạn vay kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên là 84 tháng. Lãi suất áp dụng cho năm 2013 là 13%/năm và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam tại thời điểm điều chỉnh theo nguyên tắc: lãi suất tiết kiệm dân cư 12 tháng trả sau cộng biên độ 4%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, cầm cố tài sản được hình thành từ vốn vay dự án trên. Khoản vay phải trả của hợp đồng này được Công ty phân loại sang Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2014 là: 3.840.000.000 đồng.

[3] Ngày 01/11/2013, Công ty ký hợp đồng tín dụng số 03/2013/HDTDDA/NHCTVIETINBANKKHN với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội với hạn mức vay là 5.000.000.000 đồng; mục đích vay phục vụ dự án: "*Đầu tư mới 06 tổ hợp máy phát điện lắp trên Toa xe Công vụ phát điện*". Thời hạn vay cho các khoản nợ là 84 tháng (không ân hạn), lãi suất tại thời điểm vay là 12,5%/năm, lãi suất điều chỉnh 03 tháng một lần, ngày xác định lãi suất là ngày 25 hàng tháng. Lãi suất cho vay được tính trên lãi suất cơ sở cộng 4%/năm, lãi suất cơ sở xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cộng chi phí huy động vốn tăng thêm. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 513/2013-HDTG - VTHK có giá trị 5.000.000.000 đồng. Năm 2014, Công ty đã trả hết khoản nợ vay của hợp đồng này.

[4] Ngày 25/01/2014, Liên hiệp Sứ kéo Đường sắt - Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ký hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTDDA/NHCT128-LHSK với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với hạn mức vay là 5.800.000.000 đồng; mục đích vay phục vụ dự án: "*Đầu tư thiết bị tín hiệu đuôi tàu thay thế toa xe trưởng tàu hàng - Giai đoạn 3*". Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất tại thời điểm vay là 12,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh một tháng một lần, ngày xác định lãi suất là ngày 25 hàng tháng. Lãi suất cho vay được tính trên lãi suất cơ sở cộng 4,5%, lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cộng với chi phí huy động vốn tăng thêm. Ngày 30/06/2014, Liên hiệp sứ kéo Đường sắt được bàn giao về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội theo Biên bản bàn giao giữa Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Liên hiệp Sứ kéo Đường sắt và Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội. Theo đó, các khoản vay từ Liên hiệp sứ kéo Đường sắt cũng được bàn giao về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, thời điểm bàn giao các khoản công nợ (trong đó có các khoản vay) là ngày 31/03/2014. Khoản vay phải trả của hợp đồng này được Công ty phân loại sang Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2014 là 1.936.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

[5] Ngày 27/12/2012, Liên hiệp Sức kéo Đường sắt - Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ký hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH/CD-LHSK với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với hạn mức vay là 49.000.000.000 đồng; mục đích vay cho dự án: "Đầu tư mua sắm mới 15 động cơ CAT để cải tạo, thay lắp cho các đầu máy D10H (DFH21)". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 06 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 15%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần. Lãi suất cho vay được tính trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 5%/năm, lãi suất cơ sở là lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND trả lãi sau của kỳ hạn 12 tháng được niêm yết của Ngân hàng vào ngày xác định lãi suất. Ngày 30/06/2014, Liên hiệp sức kéo Đường sắt được bàn giao về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội theo Biên bản bàn giao giữa Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Liên hiệp Sức kéo Đường sắt và Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội. Theo đó, các khoản vay từ Liên hiệp sức kéo Đường sắt cũng được bàn giao về Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, thời điểm bàn giao các khoản công nợ (trong đó có các khoản vay) là ngày 31/03/2014. Số tiền vay phải trả của hợp đồng này được Công ty phân loại sang Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2014 là: 10.800.000.000 đồng.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền bán vé tàu thu được năm nay, thực hiện vận chuyển năm sau	96.460.209.000	65.146.000.000
Doanh thu chưa thực hiện tại Ga Hà Nội	-	117.067.238
Doanh thu chưa thực hiện tại Ga Lào Cai	-	7.879.182
Doanh thu chưa thực hiện tại Nhà máy xe lửa Gia Lâm	673.525.400	-
Cộng	97.133.734.400	65.270.946.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của CSH VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2013	371.944.512.139	-	-	3.392.784.194	324.312.784	201.327.353	375.862.936.470
- Tăng vốn do nhận bàn giao TSCĐ	1.405.591.656	-	-	-	-	-	1.405.591.656
- Nhận vốn từ Tổng Công ty	1.635.519.091	-	-	-	-	-	1.635.519.091
- Tăng Vốn kinh doanh từ quỹ đầu tư phát triển	-	468.385.000	-	(468.385.000)	-	-	-
- Lãi hoạt động ngoài vận tải	-	-	-	-	-	655.536.898	655.536.898
- Phân phối lợi nhuận ngoài vận tải	-	-	-	182.024.456	-	(182.024.456)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm do Bàn giao TSCĐ	(16.387.804.993)	-	-	-	-	-	(16.387.804.993)
- Giảm do Hao mòn nhà ở cán bộ công nhân viên	(34.937.912)	-	-	-	-	-	(34.937.912)
- Tăng/giảm do điều chuyển vốn	(6.289.963.542)	6.289.963.542	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(40.547.959)	(358.790.777)	(399.338.736)
- Kết quả kinh doanh hoạt động vận tải	-	-	-	-	-	(32.147.462.345)	(32.147.462.345)
- Kết chuyển về Đường sắt Việt Nam	-	-	-	-	-	32.147.462.345	32.147.462.345
31/12/2013	352.272.916.439	6.758.348.542	-	3.106.423.650	283.764.825	316.049.018	362.737.502.474
01/01/2014	352.272.916.439	6.758.348.542	-	3.106.423.650	283.764.825	316.049.018	362.737.502.474
- Tăng vốn do nhận bàn giao vốn và Tài sản cố định	393.198.187.006	10.152.992.200	-	1.138.895.351	776.417.999	-	405.266.492.556
- Tăng Vốn kinh doanh từ quỹ đầu tư phát triển	-	471.582.645	-	(471.582.645)	-	-	-
- Tăng vốn do mua sắm TSCĐ mới	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi hoạt động ngoài vận tải	-	-	-	-	-	5.609.382.443	5.609.382.443
- Phân phối lợi nhuận ngoài vận tải	-	-	-	133.316.698	-	(333.291.744)	(199.975.046)
- Tăng khác	1.670.000.000	-	62.040	3.832.228.237	285.972.764	234.940.634	6.023.203.675
- Giảm do Hao mòn nhà ở cán bộ công nhân viên	(1.749.687)	-	-	-	-	-	(1.749.687)
- Giảm do điều chuyển tài sản	(1.483.600.837)	-	-	-	-	-	(1.483.600.837)
- Giảm vốn theo văn bản của Tổng Công ty	(22.240.000.000)	-	-	-	-	-	(22.240.000.000)
- Giảm khác	-	-	(62.040)	(2.173.841.961)	(283.764.825)	(217.697.908)	(2.675.366.734)
- Kết quả kinh doanh hoạt động vận tải	-	-	-	-	-	159.022.386.121	159.022.386.121
- Kết chuyển về Đường sắt Việt Nam	-	-	-	-	-	(164.630.607.198)	(164.630.607.198)
31/12/2014	723.415.752.921	17.382.923.387	-	5.565.439.330	1.062.390.763	1.161.366	747.427.667.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.026.326.850.077	1.893.333.771.807
Trong đó:	-	-
Doanh thu dịch vụ vận tải	2.760.878.710.354	1.692.616.121.014
Doanh thu ngoài vận tải (*)	265.448.139.723	200.717.650.793
Các khoản giảm trừ doanh thu	90.591.405.636	57.775.553.546
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	90.591.405.636	57.775.553.546
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.935.735.444.441	1.835.558.218.261
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ vận tải	2.670.287.304.718	1.634.840.567.468
Doanh thu ngoài vận tải (*)	265.448.139.723	200.717.650.793

(*) Doanh thu ngoài vận tải bao gồm cả các khoản doanh thu nội bộ ngoài vận tải giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty chưa được bù trừ.

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	2.098.046.976.264	1.417.686.874.319
Giá vốn ngoài vận tải (*)	228.709.663.804	185.819.363.236
Cộng	2.326.756.640.068	1.603.506.237.555

(*) Giá vốn kinh doanh ngoài vận tải bao gồm cả các khoản giá vốn phát sinh nội bộ của hoạt động ngoài vận tải giữa các đơn vị phụ thuộc của Công ty chưa được bù trừ tương ứng với phần Doanh thu ngoài vận tải được trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay ngoài vận tải	21.432.836	18.390.098
Cộng	21.432.836	18.390.098

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay hoạt động vận tải (lãi vay các dự án)	33.697.761.957	8.576.461.775
Lãi tiền vay hoạt động ngoài vận tải	332.118.219	12.348.000
Cộng	34.029.880.176	8.588.809.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Xử lý tài chính công nợ phải thu khó đòi	-	105.941.710
Thuế Nhà thầu nước ngoài	253.492.250	-
Chi phí khác	268.837.010	30.718.495
Cộng	522.329.260	136.660.205

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận/ Lỗ trước thuế	164.635.405.781	(31.294.220.332)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ thu nhập không chịu thuế (*):	164.635.405.781	(32.147.462.345)
Thu nhập không chịu thuế của hoạt động vận tải	159.022.386.121	(32.147.462.345)
Thu nhập không chịu thuế của hoạt động hỗ trợ vận tải	5.613.019.660	-
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	853.242.013
Chi phí thuế TNDN hiện hành (**)	3.637.217	197.705.115
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.637.217	197.705.115

(*) Toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh được chuyển về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

(**) Chi phí thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành năm 2014 là thuế Thu nhập doanh nghiệp phát sinh tại Xí nghiệp Vận tải Đường sắt Hà Quảng - theo quyết định của Cơ quan Thuế địa phương.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp)

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	370.244.852.781	159.263.653.067
Phải thu khách hàng và phải thu khác	140.879.878.927	89.619.559.511
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12.050.671.170)	(1.370.511.286)
Tài sản tài chính khác	5.012.200.000	5.009.700.000
Đầu tư dài hạn	751.500.000	751.500.000
Tổng cộng	504.837.760.538	253.273.901.292
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	69.189.673.955	39.771.310.416
Phải trả người bán và phải trả khác	137.271.943.443	73.678.685.031
Chi phí phải trả	313.309.289	368.604.764
Công nợ tài chính khác	1.359.155.885	1.168.000.000
Tổng cộng	208.134.082.572	114.986.600.211

Các loại Công cụ tài chính

Tại ngày 31/12/2014 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT - BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Năm 2014, Công ty có thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	4.574.678	4.507.551
Đồng Franc Thụy Sĩ (CHF)	2.122.565.222	1.503.368.359	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Ngoài ra, Công ty còn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tín dụng (tiếp)

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập chính sách tín dụng, cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Các khách hàng không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện thanh toán trước. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Ban Giám đốc nhận thấy không có một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
31/12/2014			
Các khoản vay	22.913.149.539	46.276.524.416	69.189.673.955
Phải trả người bán và phải trả khác	126.330.783.033	10.941.160.410	137.271.943.443
Chi phí phải trả	313.309.289	-	313.309.289
Công nợ tài chính khác	1.359.155.885	-	1.359.155.885
Tổng cộng	149.557.241.861	57.217.684.826	208.134.082.572
01/01/2014			
Các khoản vay	7.714.000.000	32.057.310.416	39.771.310.416
Phải trả người bán và phải trả khác	61.521.780.992	12.156.904.039	73.678.685.031
Chi phí phải trả	368.604.764	-	368.604.764
Công nợ tài chính khác	1.168.000.000	-	1.168.000.000
	70.772.385.756	44.214.214.455	114.986.600.211

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	370.244.852.781	-	370.244.852.781
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.829.207.757	-	128.829.207.757
Tài sản tài chính khác	-	5.012.200.000	5.012.200.000
Đầu tư dài hạn	-	751.500.000	751.500.000
	499.074.060.538	5.763.700.000	504.837.760.538
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.263.653.067	-	159.263.653.067
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.535.647.773	25.713.400.452	88.249.048.225
Tài sản tài chính khác	-	5.009.700.000	5.009.700.000
Đầu tư dài hạn	-	751.500.000	751.500.000
	221.799.300.840	31.474.600.452	253.273.901.292

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

30.1 GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	980.764.179.000	893.418.295.000
- Giá trị tài sản nhận về		483.115.839.000	483.386.302.000
- Giá trị tài sản trả đi		497.648.340.000	410.031.993.000
	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty Mẹ	329.536.569.086	6.038.574.232
- Chi phí lãi vay		26.101.481.939	6.038.574.232
Nhận bàn giao từ Cơ quan Liên hiệp Sức kéo Đường sắt:	Cùng Công ty Mẹ		
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định		2.244.865.309	-
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		301.190.221.838	-
+ Phải thu nội bộ ngắn hạn		70.539.134.205	-
+ Phải trả nội bộ ngắn hạn		31.881.706	-
+ Phải thu nội bộ dài hạn		150.831.624.948	-
+ Phải trả nội bộ dài hạn		104.523.615.948	-
+ Phải thu khách hàng		9.140.481.935	-
+ Phải thu khác		11.525.908.889	-
+ Tạm ứng		131.500.000	-
+ Thuế và các khoản phải thu nhà nước		17.609.037	-
+ Các khoản phải trả khác		28.590.314.859	-
+ Vay dài hạn		46.308.339.000	-
+ Tổng số nguồn vốn nhận bàn giao		62.868.544.199	-
Nhận bàn giao từ Cơ quan Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Đường sắt:	Cùng Công ty Mẹ		
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định		162.910.095.760	-
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		85.744.671.670	-
+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		240.804.000	-
+ Công nợ phải thu khách hàng		15.362.925.996	-
+ Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi		10.170.793.820	-
+ Công nợ phải thu nội bộ ngắn hạn		2.029.136.580	-
+ Công nợ phải trả nội bộ ngắn hạn		5.022.771.410	-
+ Công nợ phải trả dài hạn		138.149.712.608	-
Nhận bàn giao các đơn vị thuộc Liên hiệp Sức kéo Đường sắt	Cùng Công ty Mẹ	571.214.670.665	-
Nhận bàn giao các đơn vị thuộc Công ty TNHH MTV VTHH Đường sắt	Cùng Công ty Mẹ	32.812.007.487	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

30.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu ngắn hạn			
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	Thuộc Công ty TNHH MTV VTĐS Sài Gòn	52.359.212	398.741.154
Công ty CP Toa xe Hải Phòng	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	32.161.800
Công ty Cổ phần DV Đường sắt Khu vực I	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	9.020.019.150	44.484.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	69.397.318.933	38.936.560.513
Công ty Quản lý Đường sắt Hà Hải	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	130.000.000
Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt	Công ty liên kết của TCT Đường sắt Việt Nam	287.380.000	259.380.000
Công ty CP VT & TM Đường Sắt	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	300.911.600	520.481.500
Công ty TNHH MTV Đường sắt phía Nam	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	39.644.000
Công ty CP Vật tư Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	180.992.986
Công ty CP Dịch vụ Đường sắt Thống Nhất	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	201.600.000
Ga Sóng Thần	Thuộc Công ty TNHH MTV VTĐS Sài Gòn	-	57.211.000
Xí nghiệp Liên hiệp Công trình Đường sắt	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	19.333.000	19.333.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Vĩnh Phú	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	13.919.500	56.360.000
Ban Quản lý Dự án Khu vực I	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	66.408.000	-
Phân Ban CSHT Khu vực I	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	287.271.286	-
Công ty CP Thương mại Đường sắt	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	16.500.000	-
Ông Đặng Trần Phú - Ban KHKD TCT ĐSVN	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	414.000.000	-
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải & TMĐS Phía Nam	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	1.162.605.670	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và XD GTVT	Công ty liên kết của TCT Đường sắt Việt Nam	97.857.572	-
Công ty Cổ phần Công trình 875	Thuộc Công ty CP TCT CT Đường sắt	141.848.878	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Yên Lào	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	36.406.000	-
Công ty TNHH MTV Công trình 792	Thuộc Công ty CP TCT CT Đường sắt	15.930.000	-
Cộng		81.330.068.801	42.057.779.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

30.2 SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Phải thu nội bộ	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty Mẹ	89.583.232.299	92.822.008.006
	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải trả ngắn hạn			
Công ty TNHH TM & DV Vận tải Đường sắt Bắc Nam	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	-	8.470.000
Báo Đường sắt Việt Nam	Đơn vị trực thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	877.500	75.570.000
Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Hà Hải	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	682.699.000	-
Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải & Kinh doanh Tổng hợp Đường sắt Sài Gòn	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	-	49.839.500
Ga Sóng Thần	Thuộc Công ty TNHH MTV VTĐS Sài Gòn	-	885.974.500
Công ty CP Vận tải & Thương mại Đường sắt	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	126.165.600	-
Công ty CP Toa xe Hải Phòng	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	4.389.773.300	3.639.763.600
Công ty TNHH MTV Xe Lửa Dĩ An	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	540.378.863
Công ty In Đường sắt	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	76.807.500
Công ty Toa xe Dĩ An	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	475.310.660	26.049.100
Công ty Vật tư đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	105.741.053	488.540.870
Công ty CP chế tạo máy Dĩ An	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	515.318.900
Khách sạn Ga Sài Gòn	Thuộc Công ty TNHH MTV VTĐS Sài Gòn	163.819.100	142.236.000
Công ty Quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh	Thuộc TCT Đường sắt Việt Nam	-	105.352.000
Công ty TNHH MTV Giao nhận vận chuyển Đường Sắt Sài Gòn Ratraco	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	84.700.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT Đường sắt Việt Nam	-	7.868.014.725
Cộng		5.944.386.213	18.953.225.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

30.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả dài hạn nội bộ			
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty Mẹ	172.977.394.503	2.990.450.995

30.3 THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương, phụ cấp của Ban Giám đốc	1.276.173.482	1.237.811.835

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 TỔ CHỨC, SẮP XẾP LẠI CÁC GA VÀ XÍ NGHIỆP VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Theo Quyết định số 1971/QĐ - ĐS ngày 17/12/2014 của Hội đồng thành viên - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc “*Phê duyệt phương án chuyển 02 Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt: Hà Nội và Sài Gòn thành các Công ty TNHH Một thành viên do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ và phương án thành lập các chi nhánh Khai thác Đường sắt thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam*” và Quyết định số 1972/QĐ-ĐS ngày 17/12/2014 của Hội đồng Thành viên - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc “*Chuyển đổi Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội thành Công ty TNHH Một thành viên Vận tải đường sắt Hà Nội do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ*”, toàn bộ các Ga thuộc Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội (bao gồm các Ga cấp 1 và các Ga thuộc quản lý của các Xí nghiệp Vận tải Đường sắt trước đây), Nhà máy Xe lửa Gia Lâm và Xí nghiệp Cao su Đường sắt được thành lập thành các Chi nhánh Khai thác đường sắt và Công ty TNHH Một thành viên chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Đồng thời, thành lập các Chi nhánh Vận tải Đường sắt thuộc Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội bao gồm 18 Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc sau:

1. Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội;
2. Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên;
3. Xí nghiệp Đầu máy Vinh;
4. Xí nghiệp Vận dụng Toa xe Khách Hà Nội;
5. Xí nghiệp vận dụng Toa xe Hàng Hà Nội;
6. Xí nghiệp sửa chữa Toa xe Hà Nội;
7. Xí nghiệp Toa xe Vinh;
8. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Lào Cai;
9. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Yên Bái;
10. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Bắc Giang;
11. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đông Anh;
12. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hải Phòng;
13. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hà Nội;
14. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Bim Sơn;
15. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh;
16. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đồng Hới;
17. Chi nhánh Vận tải Đường sắt Huế;
18. Chi nhánh Vận tải Đường sắt phía Nam.

Các Quyết định trên có hiệu lực kể từ ngày ký.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 THÔNG TIN VỀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ - TTg ngày 21/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Điều chỉnh Đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015"; căn cứ Công văn số 1976/TTg - ĐMDN ngày 06/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Điều chỉnh Đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam"; căn cứ Công văn số 2369/TTg - ĐMDN ngày 27/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Sắp xếp các Doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam"; căn cứ Công văn số 10293/VPCP - ĐMDN ngày 23/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc "Cổ phần hóa các Doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam"; căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa 24 Công ty TNHH Một thành viên thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam", ngày 11/02/2015, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ra Quyết định số 176/QĐ - ĐS về việc "Lựa chọn thời điểm và tổ chức Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 24 Công ty TNHH Một thành viên thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam". Theo đó, thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường sắt Hà Nội là ngày 31/03/2015.

31.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Việt Hiệp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Hồ Minh Châu
Kế toán trưởng

Đới Văn Toàn
Người lập biểu

Phu lục 01:


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI)
TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014				Năm 2014	Năm 2013
		Trước điều chỉnh số đơn vị VND	Điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND	Ảnh hưởng điều chỉnh năm 2013 VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.760.878.710.354	-	2.760.878.710.354	-	2.760.878.710.354	1.692.616.121.014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	90.591.405.636	-	90.591.405.636	-	90.591.405.636	57.775.553.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.670.287.304.718	-	2.670.287.304.718	-	2.670.287.304.718	1.634.840.567.468
4. Giá vốn hàng bán	11	2.098.046.976.264	-	2.098.046.976.264	-	2.098.046.976.264	1.417.686.874.319
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	572.240.328.454	-	572.240.328.454	-	572.240.328.454	217.153.693.149
7. Chi phí tài chính	22	33.697.761.957	-	33.697.761.957	-	33.697.761.957	8.576.461.775
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	33.697.761.957	-	33.697.761.957	-	33.697.761.957	13.328.592.792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	381.212.459.269	-	381.212.459.269	-	381.212.459.269	240.785.092.737
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	157.330.107.228	-	157.330.107.228	-	157.330.107.228	(32.207.861.363)
11. Thu nhập khác	31	2.110.228.260	-	2.110.228.260	-	2.110.228.260	194.049.566
12. Chi phí khác	32	417.949.367	-	417.949.367	-	417.949.367	133.650.548
13. Lợi nhuận khác	40	1.692.278.893	-	1.692.278.893	-	1.692.278.893	60.399.018
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	159.022.386.121	-	159.022.386.121	-	159.022.386.121	(32.147.462.345)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	159.022.386.121	-	159.022.386.121	-	159.022.386.121	(32.147.462.345)



Nguyễn Việt Hiệp
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015


Hồ Minh Châu
Kế toán trưởng


Đới Văn Toàn
Người lập biểu

Phụ lục 02:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HOẠT ĐỘNG NGOÀI VẬN TẢI)
TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014				Năm 2014	Năm 2013
		Trước điều chỉnh số đơn vị VND	Điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND	Ảnh hưởng điều chỉnh năm 2013 VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	265.448.139.723	-	265.448.139.723	-	265.448.139.723	200.717.650.793
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	265.448.139.723	-	265.448.139.723	-	265.448.139.723	200.717.650.793
4. Giá vốn hàng bán	11	228.709.663.804	-	228.709.663.804	-	228.709.663.804	185.819.363.236
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	36.738.475.919	-	36.738.475.919	-	36.738.475.919	14.898.287.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.432.836	-	21.432.836	-	21.432.836	18.390.098
7. Chi phí tài chính	22	332.118.219	-	332.118.219	-	332.118.219	12.348.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	332.118.219	-	332.118.219	-	332.118.219	12.348.000
8. Chi phí bán hàng	24	568.211.172	-	568.211.172	-	568.211.172	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30.413.894.747	-	30.413.894.747	-	30.413.894.747	14.121.650.414
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	5.445.684.617	-	5.445.684.617	-	5.445.684.617	782.679.241
11. Thu nhập khác	31	271.714.936	-	271.714.936	-	271.714.936	73.572.429
12. Chi phí khác	32	104.379.893	-	104.379.893	-	104.379.893	3.009.657
13. Lợi nhuận khác	40	167.335.043	-	167.335.043	-	167.335.043	70.562.772
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.613.019.660	-	5.613.019.660	-	5.613.019.660	853.242.013
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.637.217	-	3.637.217	-	3.637.217	197.705.115
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.609.382.443	-	5.609.382.443	-	5.609.382.443	655.536.898



Nguyễn Việt Hiệp
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Hồ Minh Châu
 Kế toán trưởng

Đới Văn Toàn
 Người lập biểu